

Số: 274/2026/QĐST-LĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Vân Anh - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động thụ lý số: 344/2026/TLST-VLĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 267/2026/QĐST-VLĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; thường trú: thôn T (nay là thôn Đ), xã L, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh – là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04/7/2026), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1993; thường trú: ấp B, xã V, Thành phố Cần Thơ, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH Dệt K; địa chỉ: KCN S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình Quốc S, sinh năm 1995; địa chỉ liên lạc: KCN S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở B - Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 08/7/2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, người yêu cầu bà Nguyễn Thị T và người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T là bà Nguyễn Thị N thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/03/1992; số CCCD: 0421920xxxxx cấp ngày 11/7/2022, làm việc: tại Công ty CP đầu tư B từ tháng 6/2010 đến tháng 12/2011; tại Công ty CP PACIFIC từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2012; tại Công ty CP đầu tư Thái Bình từ tháng 12/2012 đến tháng 05/2018; tại Công ty cổ phần T từ tháng 06/2018 đến tháng 05/2025 và đều được tham gia BHXH và được cấp sổ BHXH mã số 74101xxxxx.

Bà Nguyễn Thị T tiến hành điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT thì bên BHXH rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà T bị trùng thời gian đóng BHXH tại Công ty TNHH Dệt K từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2011.

Lý do trùng: Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị T2 là họ hàng với nhau, vào thời điểm năm 2010, vì bà T2 chưa đủ điều kiện để giao kết Hợp đồng lao động nên bà T cho bà T2 sử dụng thông tin của mình để giao kết Hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Dệt K khoảng từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2011 và được tham gia BHXH và được cấp Sổ BHXH mã số 74101xxxxx. Đồng thời gian đó, bà T đang làm việc tại Công ty CP đầu tư B. Do đó, bà T bị trùng thời gian tham gia BHXH từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2011, tương đương với thời gian bà Nguyễn Thị T2 mượn hồ sơ lao động của bà T.

Hiện nay, hợp đồng ký kết giữa bà Nguyễn Thị T2 (đứng tên bà Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH Dệt K đã thất lạc nên bà không thể cung cấp cho Tòa án.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH Dệt K, là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH Dệt K vô hiệu.*

- Tại bản tự khai ngày 30/7/2026, biên bản làm việc ngày 30/7/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T2, sinh ngày 05/3/1993, CCCD: 0421930xxxxx cấp ngày 08/5/2022 là em quen biết của bà Nguyễn Thị T. Bà T2 xác nhận vào thời điểm năm 2010, do có nhu cầu xin việc làm nhưng bà chưa đủ 18 tuổi nên chưa ký được hợp đồng lao động nên bà T2 mượn giấy CMND của bà T và sử dụng thông tin của bà T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Dệt K và làm việc tại đây từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2011, tham gia BHXH với mã số 74101xxxxx, thực tế trong khoảng thời gian này bà T không làm việc tại công ty này mà đang làm việc tại Công ty CP đầu tư B, người thực tế ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Dệt K là bà T2.

Nay bà T có nhu cầu điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm bị trùng thời gian đóng BHXH tại Công ty TNHH Dệt K từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2011.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà T2 (lấy tên Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH Dệt K là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên bà T2 đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà T, thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH Dệt K vô hiệu.

Đối với sổ BHXH mà bà T2 tham gia tại Công ty TNHH Dệt K với tên Nguyễn Thị T thì bà T2 và bà T chưa làm thủ tục hưởng số tiền này. Sau này cơ quan BHXH có thẩm quyền có giải quyết hậu quả gì liên quan đến việc trùng thông tin này và liên quan đến số tiền này như thế nào bà T2 cũng chịu trách nhiệm và thực hiện theo quy định để điều chỉnh lại thông tin sổ BHXH của bà T.

- Tại bản trình bày ý kiến ngày 26/7/2026 người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Dệt K là ông Nguyễn Đình Quốc S trình bày:

Công ty TNHH Dệt K quá trình đăng ký kinh doanh đã được đổi tên 2 lần, đăng ký lần đầu với tên là Công ty TNHH Dệt K, sau đó tiếp tục đổi tên thành Công ty TNHH Dệt T và hiện nay Công ty đang hoạt động dưới tên gọi là Công ty TNHH D.

Đối với yêu cầu của người lao động là bà Nguyễn Thị T, việc bà Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1993) mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị T để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Dệt K thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả.

Hiện nay, hồ sơ lao động của bà Nguyễn Thị T Công ty không còn lưu giữ nên không thể cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do không còn lưu giữ nên Công ty TNHH Dệt K không biết bà Nguyễn Thị T giao kết hợp đồng lao động với Công ty từ thời gian nào và thời hạn bao lâu. Lỗi dẫn đến việc Công ty ký kết hợp đồng với và Nguyễn Thị T do và Nguyễn Thị T2 cung cấp thông tin không trung thực, phía Công ty hoàn toàn không có lỗi.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, Công ty không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, Công ty không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

- Về phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội cơ sở B-Thành phố Hồ Chí Minh:

Toà án đã triệu tập người đại diện hợp pháp của Cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B – Thành phố Hồ Chí Minh lên cung cấp bản tự khai, tài liệu chứng cứ liên quan và tham gia phiên họp giải quyết việc lao động nhưng vắng mặt không có lý do nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của người lao động.

- *Tại Công văn số 2540/CV-BHXXH ngày 07/7/2026 về việc xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội cơ sở B-Thành phố Hồ Chí Minh trong hồ sơ bà Nguyễn Thị T cung cấp có thông tin như sau:*

Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/03/1992; số CCCD: 0421920xxxxx; số CMND: 183801221 tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN với số BHXH có mã số 74101xxxxx do Công ty TNHH Dệt K tham gia bảo hiểm từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2011, số chưa được xác nhận bảo lưu, chưa hưởng trợ cấp 1 lần và thất nghiệp.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:*

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa; người yêu cầu bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị T2 và Công ty TNHH Dệt K đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B - Thành phố Hồ Chí Minh đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung giải quyết: Theo nội dung trình bày của đương sự và nội dung cung cấp thông tin của BHXH cơ sở B, Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị T có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp tại Công ty CP đầu tư B từ tháng 6/2010 đến tháng 12/2011; tại Công ty CP P từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2012; tại Công ty CP đầu tư T từ tháng 12/2012 đến tháng 05/2018; tại Công ty cổ phần T từ tháng 06/2018 đến tháng 05/2025 và đều được tham gia BHXH và được cấp sổ BHXH mã số 74101xxxxx. Trong đó, thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2011, do bà Nguyễn Thị T2 sử dụng thông tin của bà T thực hiện ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Dệt K.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị T2 sử dụng hồ sơ mang tên Nguyễn Thị T ký hợp đồng lao động và tham gia BHXH tại Công ty TNHH Dệt K là vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động quy định tại Bộ luật lao động. Do đó, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị T2 và Công ty TNHH Dệt K có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội cơ sở B - Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Lời trình bày của bà Nguyễn Thị T trong quá trình tố tụng phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở B – Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 2540/CV-BHXXH ngày 07/7/2026, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 12/2011, người lao động bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/03/1992; số CCCD: 0421920xxxxx, làm việc tại Công ty CP đầu tư B với mã số BHXH 74101xxxxx. Tuy nhiên, cùng thời gian này, bà T lại có tên tham gia BHXH tại đơn vị khác là Công ty TNHH Dệt K với mã số BHXH 74101xxxxx từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2011.

Bà T xác định thời gian này người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Dệt K là bà Nguyễn Thị T2. Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị T2 là họ hàng với nhau, vào thời điểm năm 2010, vì bà T2 chưa đủ điều kiện để giao kết Hợp đồng lao động nên bà T2 đã mượn giấy CMND và sử dụng thông tin của bà T để ký Hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Dệt K khoảng từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2011 và được tham gia BHXH và được cấp Sổ BHXH mã số 74101xxxxx. Thực tế, bà T không làm việc tại Công ty này mà đang làm việc tại Công ty CP đầu tư B. Người thực tế ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Dệt K là bà Nguyễn Thị T2.

Như vậy, việc bà T2 sử dụng giấy CMND, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Dệt K là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Trong hồ sơ, người yêu cầu bà Nguyễn Thị T cung cấp Công văn số 2540/CV-BHXXH ngày 07/7/2026 về việc xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Dương – Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận thời gian đóng BHXH của bà T bị trùng từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2011.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc: *Tuyên hợp đồng lao động đã giao kết giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH Dệt K vô hiệu.*

[2.3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”. Bà T có quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH Dệt K theo sổ Bảo hiểm xã hội có mã số 74101xxxxx bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ Bảo hiểm xã hội mã số 74101xxxxx không phải là bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/03/1992; số CCCD: 0421920xxxxx cấp ngày 11/7/2022.

2. Các đương sự được quyền liên hệ với Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục điều chỉnh liên quan đến sổ bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004168 ngày 20/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện và thỏa thuận thi hành án hoặc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;

- Hồ sơ;
- Lưu./.

Nguyễn Thị Tuyết Ánh